

PHẦN B

Thứ Ba: Nhập vị khế chơn, hội Phật trí huệ: Như hàng mười trụ dùng việc lên đỉnh núi Tu Di để tiêu biểu. Đỉnh núi là nơi cao nhất. Thiện Tài lên đỉnh núi Diệu Phong cũng thế, đạt pháp, thấy tất cả pháp bằng trí sáng của Phật. Nếu nơi chốn biểu hiện đạo mà tâm tiến tu. Lên đỉnh núi ví như từ tín tâm hữu vi của hàng mười tín lên mười địa, trí trống không biểu hiện, thấu rõ tất cả cảnh giới của tâm. Thấy pháp bằng trí sáng là biểu hiện cho trí sáng không hình tướng, phá trừ bóng tối cố chấp lâu đời mãi trôi lăn trong sanh tử khổ đau. Giờ đây đạt vị này, trí chơn không hiển hiện, vô minh hoặc chướng kiên cố lâu đời phút chốc tan biến ví như lên đỉnh núi. Khi đạt tuệ sáng cùng tột, công sức không cần lên núi. Ở đây mượn nơi chốn để biểu hiện cho pháp tức là lấy việc lên núi Tu Di để biểu hiện. Trong đó nói về người thăng tiến đạt pháp, lấy pháp đạt được để đặt tên. Vì thế mười Bồ-tát đều có tên là Tuệ. Bồ-tát Pháp Tuệ là người đứng đầu. Mười đức Phật đều có tên là Nguyệt Phật có tên Thù Đặc Nguyệt là người đứng đầu. Đó là nói ánh sáng trí tuệ không hình tướng, xua tan sự nóng bức của phiền não tham sân si từ vô thỉ, được vui mát mẻ nên đức Phật có tên Thù Đặc Nguyệt. Mười Bồ-tát có tên Tuệ là người tu tập vị này. Mười cõi nước có tên là Hoa là tâm khai phát trí huệ vi diệu, là quả thanh tịnh của mười Ba-la-mật, tùy thuận tu tập mười Ba-la-mật. Sự phối hợp ở sau đều có ý nghĩa. Như Thù Đặc Nguyệt phối hợp với bố thí Ba-la-mật. Vì bố thí chính là xả bỏ. Nghĩa là vị này nhập trí chơn không xả bỏ vô minh phiền não nóng bức và nghiệp chướng lâu dày. Đó là sự phối hợp giữa Phật Thù Đặc Nguyệt và Trụ thứ nhất. Vị này chủ yếu là tu bố thí Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Phật Vô Tận Nguyệt tiêu biểu cho pháp thân không hình tướng, là thể của giới, không có sự thành hoại, một lần lãnh thọ luôn luôn đều như vậy nên gọi là Phật Vô Tận Nguyệt. Vì thể của nhẫn như hư không, tâm không lay động nên tiêu biểu nơi Phật Bất Động Nguyệt. Trí chơn không của vị này càng sáng, luôn dùng trí chơn không quán sát các pháp, dần được sáng tịnh. Đó là tinh tấn. Ví như thể của gió vốn không nhưng có thể tạo ra các pháp thành hoại nên có Phật tên Phong Nguyệt. Nhờ thiền định thân tâm an lạc, làm sạch cấu nhơ nên có Phật tên Thủy Nguyệt. Nhờ trí biết đúng, có cõi nước tên Nhân Đà La Hoa (Nhân Đà La Trung Quốc dịch là người Chủ), nghĩa là dùng trí chơn không sáng suốt dứt hẳn chúng sanh, khai mở mắt tuệ sáng suốt. Cõi nước tên Ba Đầu Ma Hoa (Trung Hoa

dịch là hoa sen đỏ), nhờ giới thể, bên trong tịch tĩnh, nhờ giới tướng bên ngoài trang nghiêm, người thấy phát sanh pháp lành. Dùng màu đỏ tiêu biểu cho pháp ai thấy cũng thích xem. Ý của mười Ba-la-mật sau đều có nghĩa không. Hoa là chỉ cho vị này diệt hết tham sân si, trí tuệ khai mở (giải thích sơ lược như vậy, trong luận ban đã nêu rõ). Bồ-tát Pháp Huệ nhập Tam muội vô lượng phương tiện, vì tâm chuyên nhất, vọng niệm không còn, cảnh giới không còn. Cảnh giới không còn, trí huệ phát khởi. Nhờ diệu lực từ thiền định, ngoài số cõi nước bằng số bụi trong ngàn cõi Phật có số Phật bằng số bụi trong ngàn cõi Phật, đều cũng có tên Pháp Huệ. Các đức Phật đều hiện ra trước, an ủi khen ngợi, đưa tay xoa đầu Bồ-tát Pháp Huệ. Nghĩa là với kẻ mê mờ thì không biết số bụi trong ngàn cõi Phật nên nói là bên ngoài. Với người thanh tịnh bằng sức của thiền định thì vô số phiền não vô minh đều thanh tịnh, đều trở thành trí huệ, vô số trí huệ bằng số bụi trong ngàn cõi Phật hiển hiện. Đó là nhờ thiền định có huệ và là lúc định huệ hòa hợp, vô số Phật Pháp Huệ hiện ra đưa tay xoa đầu là định huệ hợp nhất. Khen ngợi nghĩa là từ trí phát lời vi diệu. Trí do định sanh nên khen tâm định. Truyền trao trí cho Bồ-tát Pháp Huệ là công dụng không rời định khác với không định không huệ của nhị thừa. Trao trí cho hàng mười tín không nhập định nhưng thuyết pháp, vì tín là tâm sanh diệt, chưa nhập chánh vị. Định của vị này, không phải là định dừng tâm mà định tự tại, không dụng công, vốn thanh tịnh. Vì các pháp đều là định, công dụng tịch nhiên không ngăn ngại. Giống như nói Thiện Tài lên đỉnh núi khác gặp Tỳ kheo Đức Vân thiền hành. Núi mình ở là dừng tâm, không loạn động, có nương định. Ở núi khác thiền hành là công dụng tự tại, không có loạn định, cũng chẳng nương định. Đó mới là định. Định này vượt qua định chế phục tâm, nhập trí sáng của Phật. Tất cả định đạt bằng cách nhiếp tâm đều tùy theo sự sâu cạn mà phân thành định cõi sắc, định cõi vô sắc. Chấm dứt nghiệp ba cõi, tâm như hư không, phiền não hết, không sanh trong ba cõi, không có trí huệ lớn, đạt an lạc Niết-bàn là định của Thanh văn. Định của mười trụ không như thế. Vì tất cả pháp vốn là định, đều có khả năng phát sanh trí huệ, làm cho trí ngày càng sáng, thể của nó không mất nhưng phát sanh vô số huệ. Khi thành tựu trí huệ, dù ở mãi trong sanh tử nhưng không khiến hư hoại bản tánh, không tạo nghiệp. Vị này lên núi Tu Di, đến cung Đế Thích có hai nghĩa: 1) Như Lai thành đạo đi khắp mọi nơi; 2) Sự thăng tiến của mười trụ. Mượn nơi chốn để biểu hiện pháp. Câu: “Từ xa Đế Thích thấy Phật đi đến” là hàng mười tín phát tâm hướng đến mười trụ. Vì

lòng tin chưa thật khế hợp với trí của mười trụ. Câu: “Từ xa thấy Phật đến, liền dùng thân lực trang nghiêm cung điện” là sự suy xét của tâm. Bàn tòa Sư tử trong điện Phổ Quang Minh chính là an định thân tâm, nhập định tự tánh vốn thanh tịnh không tạo tác, tóm thâu muôn cảnh, nơi nào cũng thanh tịnh vì thể hội được trí huệ vốn có nên có tòa Sư tử trong điện Phổ Quang Minh. Ở trong sanh tử, tâm lo sợ là Sư tử. Điện ấy được làm bằng ngọc quý là trang nghiêm bằng định huệ. Trí sáng vượt vô số phiền não. Mười ngàn bậc cấp: Sự thăng tiến là bậc cấp (trong bản luận đã nói rõ) ở đây chỉ nói sơ lược. Đức Phật vào điện là định huệ hợp nhất. Có sáu phẩm kinh nói về sự thành tựu mười trụ. Phẩm lên núi Tu Di là từ mười tín tiến lên. Phẩm nói kệ khen ngợi là biểu hiện các đức Phật xưa kia cũng nhập pháp này. Pháp xưa nay giống nhau để người chứng nhập không nghi ngờ. Phẩm mười trụ nói về mười trụ tức là mười cách thăng tiến đều lấy Ba-la-mật làm thể, trong một đủ mười, đan xen lẫn nhau, trong mười có trăm, năm vị đều như thế. Phẩm phạm hạnh là nói về giới thể, là tánh không có thành hoại. Phẩm phát tâm công đức thứ năm nói về người phát tâm rộng lớn không hạn lượng, lợi ích nhiều, được vô số công đức, hợp với tâm lượng, ngang bằng hư không. Tác giả nói kệ: Hư không tuy rộng không biên giới, không thể tạo ra các công đức, trí bi giác ngộ như hư không, nhưng lại tạo ra vô số đức. Trong phần tụng của kinh có câu: Chỉ phút chốc cúng dường vô số Phật, cung cấp nuôi dưỡng bao chúng sanh, nào là hoa thơm hoa thật đẹp, cờ phướn dù lộng quý báu, y phục đẹp, thức ăn, tòa báu, nơi thiền hành, tất cả cung điện đều lộng lẫy, ánh sáng rực rỡ, ngọc châu quý, Ma ni Như ý sáng long lanh, bất cứ lúc nào cũng như vậy, trải qua vô số kiếp khôn lường, phước đức người này tuy nhiều đấy, nhưng thật không bằng đức phát tâm. Đó là nói người tu tập đức hữu vi tuy không thể lường được, nhưng chỉ một tâm niệm ác độc cũng có thể làm tiêu tan tất cả. Cho dù tồn tại trong một kiếp, cuối cùng vẫn bị hư hoại. Người phát tâm Bồ Đề, trí vô vi biểu hiện bi trí hợp nhất thì trong nháy mắt, được công đức hơn cả hư không, không thể đo lường được. Hư không chỉ là trống rỗng, chẳng có phước lành, không có bi trí, không có công đức. Trí sáng suốt rộng lớn là thể của giác ngộ nên công đức mới phát tâm không thể lường được. Nếu không hiểu thể của trí huệ thì tạo nghiệp cõi ác. Tất cả đều do mình tạo ra. Còn như phát tâm trong nháy mắt, trí không hiển hiện. Vì trí vốn thanh tịnh nên hạnh nghiệp có vô số công đức, hướng gì công đức của hành động bằng bi trí rộng lớn, tạo lợi ích cho tất cả chúng sanh, có thể lường được sao? Người phát tâm phải

phát tâm cầu giác ngộ như vậy, phải mở rộng tâm như vậy, thế độ tất cả chúng sanh, nhờ đó công đức không bao giờ tổn mất. Hãy tu tập theo đó thì công đức không uổng phí. Nếu phát tâm mà không dựa vào pháp nào thì cuối cùng sẽ đến đâu? Tuy biết phát tâm nhưng không biết phát tâm bằng cách nào, cầu tiến như thế nào? Như nói mười hạnh ở cõi Dạ Ma có hai ý: 1) Nói về thân nghiệp của Như Lai đem lại lợi ích cho tất cả chúng sanh. 2) Nói mười hạnh hơn những vị trước.

Lại nói cõi này ở trong hư không nghĩa là mười trụ nhờ đạt pháp trống không, bi trí hợp nhất. Vị này nương pháp trống không để hành động nghĩa là hành động nhưng không bám víu. Mười hạnh được thuyết ở cõi Dạ ma vì cõi Dạ ma trụ trong hư không. Tòa Sư tử có vạn bậc cấp là biểu hiện đến vị kiến đạo, trí huệ rộng lớn, hết nghiệp phiền não, là thể chất của tòa Sư tử ở điện Phổ Quang Minh, vị này hóa ra tòa Sư tử bằng hoa sen báu. Vì nương pháp trống không để hành động nên nói hóa ra. Vì hạnh trống không, không đấm nhiễm nên có tên là hoa sen. Mười Bồ-tát sau đều có tên là Lâm, Bồ-tát Công Đức Lâm là người đứng đầu. Lâm nghĩa là mười hạnh có khả năng che chở cho chúng sanh. Mười đức Phật đều có tên là Nhẫn, Phật Thường Trụ Nhẫn là người đứng đầu. Mười cõi nước đều có tên là Huệ. Mười Bồ-tát có tên Lâm là người tu hành. Mười cõi nước có tên là Huệ là trí của người tu hành. Mười đức Phật có tên Nhẫn là nói người tu hành dùng trí biết khả năng của chúng sanh để làm lợi ích cho chúng sanh. Đó là pháp nhân quả tùy theo địa vị. Các việc khác như trước. Có bốn phẩm kinh nói về vị này, là pháp môn của vị này. 1) Phẩm lên cõi Dạ Ma nói về sự thăng tiến. 2) Ở cõi Dạ Ma nói kê khen ngợi: Nói về các đức Phật từ xưa đến nay đều nhập pháp này. 3) Phẩm mười hạnh nói về hạnh nghiệp mà vị này thực hành. 4) Phẩm mười tạng không cùng tân nói về tín, giới, tâm, quý, văn, thí, huệ, niệm, trì, biện. Mười hồi hương có ba phẩm, là pháp môn thành tựu vị hồi hương. 1) Lên cõi Đâu Suất nói về sự thăng tiến. 2) Ở cõi Đâu Suất nói kê khen ngợi, nói về các đức Phật xưa nay tuy có trí lớn, bi lớn nhưng lại nhưng lại là trí trong suốt, phần nhiều là trí ra khỏi đời. Vị này chuyển tâm ra khỏi đời của mười trụ, mười hạnh, vào trong sanh tử, nuôi lớn từ bi. Vì thế trong những thiện tri thức của Thiện Tài, ngng đầu của mười trụ, mười hạnh là Tỳ kheo, còn ở vị này, người đứng đầu lại là người thế tục. Trưởng giả Thanh Liên Hoa. Điều đó nói lên tâm giải thoát ra khỏi sanh tử, lại vào sanh tử, nuôi lớn hạnh từ bi, ở trong sanh tử mà không đấm nhiễm. Nên trong vị hồi hương này, thiện tri thức đầu của Thiện Tài là trưởng giả Thanh Liên Hoa. Người thế tục.

Ở hai vị trước, nghinh đón đệ tử Phật chỉ có đại chúng cõi trời, không có người nữ, nghĩa là chỉ đạt trí huệ từ bi xuất thế gian, chưa đạt đức từ bi vào trong sanh tử, cùng sống với chúng sanh, làm việc lợi ích nên không có thiên nữ. Mười hồi hướng vào trong sanh tử hành hạnh từ bi, nên có đủ vô số chúng như thiên nữ, long thần... tám bộ (trong bản luận đã nói rõ) ở đây chỉ nói sơ lược để người phát tâm biết pháp và hướng đi đúng đắn, biết nhân quả. Thiên vương cõi Đâu Suất đặt tòa Sư tử Ma Ni tạng trăm vạn ức bậc cấp: Vị này ở trong sanh tử thành tựu hạnh từ bi, vượt tâm xuất thế của những vị trước. Vì thế tòa được trang sức bằng vô số châu báu, trăm vạn ức bậc cấp. Vị hồi hướng này ở trong giải thoát, phát trí nghĩ đến việc làm lợi ích cho chúng sanh và hạnh nguyện rộng lớn, thành tựu đạo Phổ Hiền đem lại lợi lạc cho vô số chúng sanh, dùng tâm trí giải thoát, ở trong sanh tử, hiểu sanh tử vốn là giải thoát, như Sư tử Chứa tự tại độ thoát tất cả chúng sanh, không dừng nghỉ. Mười địa và đẳng giáo đầy đủ nguyện lớn của mười hồi hướng nghĩa là không có gì sai khác. Vì thế khi nói về mười địa, không nói từ xa nhìn thấy, đi đến đón Phật... tức là đầy đủ nguyện lớn như vị này. Vị này được nói ở cõi Đâu Suất nghĩa là trí bi hợp nhất viên mãn. Cõi trời này tiêu biểu cho nghĩa Trung đạo. Vì nó ở khoảng giữa của cõi Dục. Phía dưới nó có cõi Đạo Lợi, Dạ Ma, phía trên nó có cõi Hóa Lạc, Tha Hóa. Tất cả các đức Phật đều từ cõi này thị hiện việc ra đời, xuống trần như người phát tâm Bồ Đề biết rõ ý kinh để tu hành.

Hỏi: Mười hồi hướng đã vượt qua mười trụ, mười hạnh, mà mỗi vị này đều có mười pháp, tức là đều do biết tự tánh các pháp vốn không, không hình tướng, không tính chất nên trí huệ hiện tiền. Đến vị hồi hướng phát khởi vô số nguyện lớn, nghĩ đến vô số chúng sanh, phát khởi trí bi, đó không phải là tâm sanh diệt sao? Làm sao hợp đạo được?

Tác giả dùng kệ đáp: Mười trụ, mười hạnh là sơ tâm, nhờ duyên chơn như nên tăng trưởng, vì muốn đoạn trừ tập khí đó, nên phát nguyện lớn xin hồi hướng, thông đạt sanh diệt không sanh khởi, phát nguyện thương yêu không sanh diệt. Biết rõ thế gian là sanh diệt, nghĩ nhớ chúng sanh đều bằng trí, sơ tâm định huệ thường duyên chơn, vị này khởi nguyện biết nguồn gốc. Người biết nguồn gốc ở trong đời, đi lại ba cõi như Sư tử, như thế mới thường ở thế gian, độ thoát chúng sanh không ngừng nghỉ. Vì thế thành tựu đầy đủ mười địa, hòa nhập hạnh Phổ Hiền, dùng vô số Tam muội tìm Bồ-tát Phổ Hiền nhưng cuối cùng chẳng thấy được. Song chỉ cần nghĩ đến là có thể thấy. Bồ-tát Phổ Hiền đang ở chỗ các đức Phật mười phương, ngồi tòa hoa sen, hoặc từ nơi khác đến (Rõ

như phẩm mười định). Hàng mười địa còn có chướng ngại của Niết-bàn tam muội, huống gì mười trụ mười hạnh? Vì thế phải phát khởi nguyện lớn, thành tựu hạnh Phổ Hiền, vào trong sáu đường sanh tử, ở tất cả mọi nơi, dùng mọi phương pháp, phát khởi vô số nguyện, độ thoát vô số chúng sanh, suy xét phân biệt thành tựu vô số trí huệ ở bất cứ nơi nào cũng vậy. Chỉ có pháp không sanh mới trọn đủ công hạnh. Vô số phàm ngu và những người được tướng đẹp của Như Lai đều thuộc phàm phu. Chỉ có Phật mới là người rốt ráo. Phần một trong mười địa và mười định trong vị Đẳng giác đều nương hạnh nguyện của mười hồi hướng mà tu tập trọn vẹn đạo Phổ Hiền. Đó là pháp của sự thăng tiến, được thuyết giảng ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Mượn nơi chốn tiêu biểu cho pháp. Vì cõi trời tha hóa xem sự biến hóa của người khác mà vui. Cõi này còn gọi là cõi Thích sự biến hóa. Vui thích sự biến hóa của người khác, nghĩa là đạo nghiệp của Bồ-tát mười địa tu tập điều ấy. Việc đem lại niềm vui cho chúng sanh làm niềm vui cho mình. Địa này có ba mươi tám Bồ-tát, đứng đầu thành tịnh pháp mười địa. Ba mươi bảy Bồ-tát ban đầu có tên là Tạng. Bồ-tát Kim Cang Tạng là người đứng đầu. Còn một Bồ-tát tên là Giải thoát Nguyệt, ba mươi bảy Bồ-tát đều có tên là Tạng tiêu biểu cho ba mươi bảy phẩm Bồ Đề, là đạo nghiệp của tất cả Bồ-tát đều thành tựu, cũng chính là pháp để thành tựu Chánh đẳng giác. Bảy Bồ-tát tên Giải thoát Nguyệt chính là quả trong ba mươi bảy phẩm đó. Trong mười địa, Bồ-tát Giải thoát Nguyệt là người hỏi, Bồ-tát Kim Cang tạng là người thuyết pháp mười địa. Đó là nhân quả vốn sẵn có hỏi đáp. Những người khác không thể hiểu biết được. Ví như Địa Hoan Hỉ thứ năm, vì thấy sắc thân Như Lai và nghe pháp Phật nên luôn vui vẻ (Rõ như trong kinh). Vị này chủ yếu là tu Bồ thí Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu, chỉ tùy thuận tu tập. Nhờ nghe pháp nên có thể ban cho cả thân mạng tài vật, không còn năm lo sợ: Sợ không sống, sợ đường ác, sợ uy đức đại chúng... Quán sát không có thật ngã vì không có nghiệp này. Sáu tướng chung riêng giống khác thành hoại của địa thứ năm đã bao hàm nghĩa mười địa và Như Lai. Phải biết rõ sự giống khác ấy, cho đến đem tất cả cõi nước nhập vào một cõi nước, như lưới của Đế Thích, tự tại không ngăn ngại. Tất cả pháp đều có sáu tướng, ở đây chỉ nêu một môn lưới báu của Đế Thích, các việc khác đều chuẩn theo đây. Trong cung của Đế Thích có lưới báu. Lưới này được làm bằng ngọc đẹp của cõi trời, ánh sáng giao thoa, trong mỗi hạt ngọc ảnh hiện vô số hạt ngọc. Vua Đế Thích, quyế thuộc của Vua, cung điện xinh đẹp... đều ảnh hiện trong đó. Mượn hình ảnh này để biểu hiện

cho cảnh giới của tâm ngang bằng hư không, không có các tướng trong ngoài, ở giữa, một bên. Tất cả cảnh giới đều như sự huyền hóa, vốn ảnh hiện qua lại không ngăn ngại. Chỉ vì tâm chúng sanh hư vọng nên tạo nghiệp chấp chặt, tự ngăn che nên không biết. Nếu không vì nghiệp thì nó vốn như vậy, tất cả cảnh giới ảnh hiện lẫn nhau. Chỉ cần một thân trí này, cùng lúc ở khắp mọi nơi, biểu hiện trước chúng sanh, tùy thuận hiện thân hình, tùy thuận thuyết pháp làm cho chúng giải thoát, đạt an lạc. Những chúng sanh chưa đủ khả năng thì dùng phương tiện dẫn dắt. Vì trí không ở bên trong cũng chẳng ở bên ngoài. Tất cả các cảnh giới, chúng sanh đều cùng một tâm. Bồ-tát địa thứ nhất biết đạo lý này, phát nguyện rộng lớn nên sớm đạt hạnh bi trí cao cả. Lại nữa, Bồ-tát địa thứ nhất học tất cả pháp của mười địa và Như Lai địa, biết rõ pháp chung riêng giống khác mới dần tu tập thuần thực. Nếu trải qua vô số kiếp tu tập tu tập mà tâm không lay chuyển là vì trí không có ba đời xưa nay, cũng chẳng thay đổi. Công dụng của Trí nơi mười địa đều thù thắng là riêng. Không có gì ngoài trí căn bản, cũng chẳng có xưa nay, từ trước đến giờ vốn vậy là chung. Thể của tâm tu tập và cảnh giới đều không tạo tác là giống. Mỗi vị đều khiến cho nghiệp chướng thanh tịnh, công dụng trí huệ tăng trưởng là thành. Mỗi vị tu tập nhưng không thấy có sự tu tập, không thấy thành tựu, không thấy có Bồ Đề, Niết-bàn... là hoại. Hơn nữa thân người do mắt, tai, lưỡi, tay, chân, xương, khớp tạo thành là chung. Tuy cùng một tâm nhưng tùy nghiệp dụng khác nhau nên có tướng riêng. Song tất cả đều do bốn đại đất, nước, gió, lửa tạo thành là giống. Sáu căn có tác dụng khác nhau là khác. Do nghiệp có thân là thành. Tất cả pháp đều có sáu tướng này, đều có sáu việc, dùng trí quán sát sẽ biết được. Mười Huyền môn cũng thế (đã nói ở trước). Kinh Hoa Nghiêm mười môn này để biểu hiện cho pháp không cùng tận, dùng trí quán sát sẽ thấy được.

1) Ở đây, Bồ-tát nơi địa hoan hỷ tu tập tất cả pháp của mười địa, quả Phật và hạnh nguyện luôn tạo lợi ích cho chúng sanh của Phổ Hiền. Vị này biết tất cả pháp, nghĩa là nhờ biết quả mới có thể tu tập. Như người đời muốn làm việc gì trước phải tạo mô hình mẫu. Như pháp bố thí là pháp đầu của mười Ba-la-mật. Lại như luyện vàng phải từ thỏi vàng luyện dần dần sáng đẹp, sau mới làm đồ trang sức trên Vương Miện của Chuyển Luân.

2) Địa Ly cấu chủ yếu là tu giới Ba-la-mật để trừ hoặc nghiệp nơi cõi Dục.

3) Địa Phát Quang chủ yếu là tu nhẫn Ba-la-mật để trừ phiền não

đắm trước thiên đình nơi cõi sắc và vô sắc, nhập định tự tánh ba cõi thanh tịnh, bình đẳng, không tạo tác.

4) Địa Diệm Huệ tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, sanh vào nhà trí huệ Như Lai.

5) Địa Nan Thắng Quán bốn Đế, Chơn Đế, Tục Đế... hai mươi Đế.

6) Địa Hiện Tiền quán mười hai duyên sanh.

7) Địa Viễn Hành thành tựu phương tiện Ba-la-mật, không còn tu tập pháp không vô tướng, vô nguyện, luôn ở trong ba cõi, độ thoát chúng sanh (rõ như trong kinh). Có nghĩa là từ địa thứ năm đến địa thứ sáu tuy thường tu tập từ bi là chính, quán bốn Đế, mười hai duyên và giáo hóa chúng sanh nhưng luôn có tâm ra khỏi đời. Bồ-tát địa thứ bảy vì đạt ba pháp giải thoát: Không, vô tướng, vô nguyện nên luôn ở trong chúng sanh, độ thoát chúng sanh.

8) Địa Bất Động đạt tất cả pháp, nhãn vô sanh và trí vô công hiển hiện, tâm luôn thanh tịnh, được các đức Phật ủng hộ, đưa tay xoa đầu, khuyên tu pháp phát khởi trí, khiến nhớ lại bốn nguyện, phát nguyện, thực hành tâm bi. Vì dùng trí vô công dụng tự tại tạo nghiệp nên phước đức đạt được Bồ-tát từ địa thứ nhất đến địa thứ bảy không sao sánh được một phần trong vô số trăm ngàn ức phần (việc khuyên tu có bảy lần, đã nói rõ trong kinh).

9) Địa Thiện Huệ tự tại thuyết giảng giáo pháp.

10) Địa Pháp Vân lãnh thọ vị Nhứt thiết trí, ngồi trên hoa sen lớn bằng trăm vạn Tam thiên đại thiên cõi nước. Được trang sức đan xen các vật báu, hơn tất cả cảnh giới thế gian, phát khởi căn lành xuất thế, biết tánh các pháp như huyễn, do các duyên tạo thành, thường phóng ánh sáng chiếu soi các pháp. Xung quanh có vô số hoa sen bằng số bụi trong ba ngàn đại thiên thế giới, vô số Bồ-tát là bạn ngồi trên những hoa sen ấy. Đó là cảnh giới bi trí của Nhứt thừa giáo. Vị này phát tâm rộng lớn, lãnh thọ vị cao tột. Khác với sự lãnh thọ của Bồ-tát mười địa quyền biến trong ba thừa giáo, Hoa sen chỉ bằng một Tam thiên đại thiên thế giới. Vì tâm tin hiểu của Bồ-tát ba thừa hẹp hòi, sự hiểu biết của Bồ-tát mười địa ấy cũng còn hẹp hòi. Cảnh giới trí huệ Tỳ-lô-giá-na ở đây chỉ bằng một tam thiên đại thiên thế giới. Đó là vì khả năng hiểu biết khác nhau. Trong cảnh giới trí Như Lai của giáo pháp Nhứt thừa, tòa ngồi bằng pháp giới, hư không giới. Vì đó là cảm ứng của trí thật báo. Ở đây vì khả năng tin hiểu của mỗi người khác nhau. Nếu xét đến pháp cứu cánh chơn thật phải dùng trí huệ nhứt thừa làm tiêu

chuẩn. Những ai tin cảnh giới trí Như Lai của Như thứ thừa giáo để phát tâm, theo kinh này, lòng tin và trên hết. Vì mười cảnh giới, mười trí Như Lai vốn có trong tín. Văn Thù Sư Lợi là trí mẫu nhiệm của chính mình, là tâm tin tưởng. Ở đây mười tín, mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng, mười địa, đẳng giác, Diệu giác đều lấy trí lớn sáng suốt sẵn có, pháp thân không hình tướng, trí sai biệt của Phổ Hiền làm thể tu tập. Sự hiểu biết và hạnh nguyện đều có từ Như Lai pháp giới. Phương tiện của năm vị thì vô số, chủ yếu là làm cho trí bi lớn được trọn vẹn sâu xa rộng lớn chơn thật (rõ như trong kinh). Các việc trong kinh nhiều nên khó ghi hết. Ở đây xin lược kể vài môn, khuyên những ai tu tập chưa trọn vẹn mà muốn tu tập thì dùng định huệ quán chiếu, tụng kinh, xem hạnh nguyện rộng lớn của Bồ-tát để không đi sai đường. Dù tu không được, chủng tử tin tưởng đã hình thành. Nhờ sức huân tập của lòng tin, dần phát trí nguyện không thối lui, tự nhiên thành tựu. Vì vậy Bồ-tát Phổ Hiền đã nêu ra pháp Thiển Duyệt Thực về một phần nơi pháp Tam muội Kim Cương dụ, vượt quá thân tướng thì tự nhiên thấu triệt ngay, nhưng phải đạt tới chỗ toàn diện của pháp định ấy thì mới an trụ, những ai nghe danh hiệu và pháp Như Lai dù không tin, chủng tử nghe đã được hình thành. Nhờ sự huân tập của một lần nghe pháp nên khi tự nhiên đạt trí kim cương của Phật mới an trụ. Người tu hành đừng cho kinh pháp này sâu xa, khó thông đạt chứng nhập. Nếu không phát tâm tin hiểu tu tập thì ở mãi trong sanh tử không biết bao giờ ra khỏi, chỉ bằng phát tâm trong giây phút, dù tu không thành nhưng vẫn thường sanh trong cõi người cõi trời, được quả báo vui vẻ, dần dần thấy Phật, nghe pháp, giải thoát, thành tựu đạo vô thượng.

(1) Dùng Định tóm thâu ba đời xưa nay: Nơi phẩm mười định được thuyết ở Diệu Phổ Quang Minh. Nghĩa là trí sáng là thể của định. Pháp này được thuyết từ một ngôn ngữ, một tam muội, không có sự thuyết giảng trước sau. Cùng lúc thị hiện ba đời, Niết-bàn nên nói cảnh giới của Trí không có ba đời. Trong phẩm này có chép: “Lúc bấy giờ Thế Tôn ở Bồ Đề đạo tràng nước Ma Kiệt Đề thành tựu chánh giác và ở điện Phổ Quang Minh thành tựu chánh giác”. Người xưa nói: Ba lần đến điện Phổ Quang Minh, kỳ thật không có việc đi. Điều đó muốn chỉ rõ ba mươi chín phẩm kinh cùng lúc thuyết giảng không có trước sau. Kể cả giáo pháp ba thừa cũng thế. Giáo pháp cùng lúc thuyết giảng tùy khả năng của mỗi chúng sanh mà nghe có pháp như thừa, ba thừa sai khác. Theo kinh Bồ-tát Bốn Nguyệt Anh Lạc thì có mười lần, bốn mươi phẩm. Một lần ở cõi thiên thứ ba, thuyết phẩm Tam Muội của Phật Hoa. Phẩm

nay dạy Bồ-tát mười địa nhập hạnh Phổ Hiền. Vì Phổ Hiền là hạnh vào thế gian, cùng sống với chúng sanh. Bồ-tát mười địa là hạnh ra khỏi thế gian thành tựu quả Phật. Hòa nhập hai hạnh này, tự tại ở trong thế gian, không vướng hai bên, tâm không đắm trước, không còn chướng hoặc của tập khí hai bên. Tên mười định là do Như Lai nói. Công dụng của mười định là do Phổ Hiền nói. Về trí căn bản, Phật nói tên mười định. Công dụng lớn của trí là trí sai biệt của Phổ Hiền nên Phổ Hiền nói. Đức Phật bảo các Bồ-tát: Bồ-tát Phổ Hiền hiện ở trong đạo tràng này, bên cạnh ta. Đó là sự không dời chuyển. Muôn hạnh của trí sai biệt Phổ Hiền là hội chúng. Trí căn bản không lay chuyển là trụ xứ, ở đây nói người không mong cầu ra khỏi thế gian, chỉ tùy thuận thế gian, hạnh nghiệp không nhiễm là Phật. Xưa nay vốn vậy, chỉ vì mê mờ trôi lăn trong nhiều kiếp nên có mười địa ra khỏi thế gian. Khi trọn vẹn công dụng, thành tựu đạo nghiệp mới bỏ dụng công. Tất cả các việc thế gian đều thế. Việc xong, duyên hoại, công thành hạnh mất, việc chưa thành công không thể bỏ. Phần đầu phẩm mười định có chép: Trong một trăm Bồ-tát, ba mươi Bồ-tát tên Huệ, bảy chục Bồ-tát tên khác nhau. Vì mười địa đầy đủ trí huệ ba không, bảy phần giáo mới nhập hạnh Phổ Hiền, vừa bỏ vừa nhập, trí bi tự tại luôn luôn như vậy, hoàn toàn không có sự mong cầu như ba phẩm: Mười định, mười thông, mười nhẫn đều là hạnh Phổ Hiền của Mười trụ. Vị Đẳng giác... do Phổ Hiền nói. Điều đó có nghĩa là pháp Phổ Hiền thực hành lại là hạnh Phổ Hiền. Phật tự nói là pháp của quả Phật. Chuẩn theo đây sẽ biết.

(2) Những chướng ngại của việc nhập quả vị Phật. Phẩm: Bồ-tát Tâm Vương hỏi Phật về số tăng kỳ. Như Lai tự nói (số lượng đó đã nói rõ trong kinh). Số này chỉ Phật biết được, những vị khác không biết. Người không thể dùng mắt trí để biết số lượng rộng lớn và những tướng tốt của Như Lai là còn hai chướng, không đạt Nhất thiết trí của quả Phật. Các Bồ-tát ở địa dưới và trời rồng ngoai đạo đều không thể biết được pháp này. Những ai muốn biết được pháp của Bồ-tát, mắt trí của Như Lai phải biết rằng điều đó không thể có. Từ mười địa trở về sau có mười một thứ thô chướng, hai mươi hai ngu si... chướng này chỉ Phật biết được. Bồ-tát Tâm Vương hỏi là vì tâm ngoài tự tại nên mới có thể làm người hỏi mười một thứ thô chướng biểu hiện từ địa thứ nhất đến địa mười một chưa trọn vẹn hạnh Phổ Hiền. Mỗi vị có một sự mê lầm nên có mười một chướng. Song trong mỗi vị, có nhân quả, chốn hưởng nên có hai mươi hai ngu si. Như Lai gia hộ Bồ-tát Thanh Liên Hoa, giảng pháp cao sâu của Phật, không thể dùng tâm suy nghĩ được. Vì Phật là trí

căn bản không tạo tác, không nói năng, nhưng với phương tiện tự tại, từ sự không nói năng mà nói năng. Trí căn bản là pháp thân dụng không tạo tác, là pháp cao sâu của Phật, là thân dụng trong quả Phật, Thanh Liên Hoa là trí mẫu nhiệm của trí tự tại thanh tịnh Như Lai. Tánh của các pháp không ô nhiễm, là tên khác, dùng pháp hiển hiện của Văn Thù Sư Lợi. Phẩm trụ xứ của Bồ-tát do Bồ-tát Tâm Vương giảng giải là bất cứ nơi nào, đều làm người để chúng sanh nương tựa. Phẩm: mười thân tướng rộng lớn của Như Lai chép: công đức tướng tốt Như Lai là pháp thân của Như Lai, vốn có sẵn trong trí căn bản, tự tánh thanh tịnh không tạo tác nên do Như Lai giảng. Ở đây nói mười thân có số thân bằng số bụi trong mười thế giới Hoa Tạng. Văn sau chép: Có số hình tướng bằng số bụi trong mười thế giới Hoa tạng. Mỗi thân trang sức bằng các thứ báu. Phẩm thế giới Hoa Tạng nói về báo thân và cảnh giới. Phẩm này do Bồ-tát Phổ Hiền thuyết, vì từ trí căn bản có trí sai biệt, thừa hành muôn hạnh, công đức cao cả, thân trang sức bằng trí căn bản. Phẩm Hạnh nguyện Phổ Hiền do Bồ-tát Phổ Hiền thuyết, đến vị Đẳng giác trọn vẹn muôn hạnh.

(3) Tự tu hành thành tựu quả Phật. Chính là Phẩm Như Lai ra đời. Nói về quá trình từ mười tín, mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng, mười địa đến địa thứ mười một Đẳng giác. Nghĩa là người có lòng tin tự tu tập thành tựu quả Phật, đầy đủ ba Pháp: Văn Thù Sư Lợi, Phổ Hiền, Tỳ-lô-giá-na. Từ giữa chặng mây, Như Lai phóng ánh sáng chiếu đến đỉnh đầu Văn Thù. Đó là ánh sáng hồi pháp. Từ Kim khẩu phóng ánh sáng đến Kim khẩu Phổ Hiền. Đó là ánh sáng giảng pháp để Phổ Hiền thuyết giảng. Điều đó có nghĩa là trí căn bản là trí không tạo tác, không nói năng. Văn Thù là trí mẫu nhiệm, pháp thân không hình tướng, là người hồi Phổ Hiền, là công dụng lớn của trí căn bản, là người thuyết pháp. Đây đủ ba pháp nên sự ra đời của Như Lai... đều có trước sau. Vì ba pháp này là thể dụng. Đến đây công dụng đã vẹn toàn, như luyện vàng. Vẹn toàn công dụng gọi là ra đời. Việc dặn dò truyền giảng đều từ đây.

(4) Hạnh nguyện thường hằng của Phổ Hiền: Như phẩm lìa thế gian, nghĩa là sau khi thành Phật, luôn hành hạnh Phổ Hiền, luôn ở trong đời nhưng không bị ô nhiễm nên gọi là lìa thế gian. Hạnh thường của Phổ Hiền vốn từ trí căn bản sáng suốt nên được thuyết giảng ở điện Phổ Quang Minh. Điều đó cho ta thấy không ngoài công dụng của vị tín thứ năm, luôn tạo lợi ích cho chúng sanh, thường ở trong đời vẫn không ô nhiễm nên gọi là lìa thế gian.

(5) Trọn vẹn quả Phật, tất cả đều là pháp giới. Phẩm pháp giới được thuyết ở vườn Cấp Cô Độc. Mượn việc thăng tiến nói về việc lên các cõi trời. Thấy pháp giới không ngoài nơi nào, pháp giới ở trong pháp giới. Như Lai, Phổ Hiền, Văn Thù chính là công dụng và trí lớn của Pháp giới. Thể lớn bao quát mười phương. Đó là quả trọn vẹn mọi công, hạnh, là pháp giới. Bồ-tát nói: Có năm trăm vị, bốn chục Bồ-tát là bốn vị. Mỗi vị có một trăm, thành bốn trăm, gồm cả một trăm vị của Bồ-tát Bảo Quang thành năm trăm. Một trăm vị của Bồ-tát Bảo Quang là số chính của mười Ba-la-mật, là một trăm chúng trong mười. Bốn chục tâm trước, mỗi tâm có một trăm. Đến vị này trọn vẹn công hạnh. Trong mỗi hạt bụi của thế giới mười phương đều có Phật thuyết pháp, có Bồ-tát Phổ Hiền hóa độ vô số chúng sanh. Nghĩa là một người thành tựu đạo nghiệp, đầy đủ hạnh nguyện, nhập thể pháp giới như ánh sáng ảnh hiện của lưới Đế Thích, tất cả mọi người cùng lúc tập hợp, lưới báu che khắp. Lớp lớp đan xen cùng khắp pháp giới, tạo lợi ích cho tất cả chúng sanh. Sáu ngàn Tỷ kheo như Hải Giác... thể hiện đã có nhân đời trước nên đạt pháp lợi ích. Năm trăm Thanh văn như Xá Lợi Phất thể hiện đời trước không có nhân tin, không nghe cảnh giới trí của nhưt thừa như kẻ mù điếc, dù đối diện vẫn không nghe thấy.

(6) Thành tựu quả Phật thuyết pháp ở thế gian: Văn Thù Sư Lợi từ lầu gác đi ra tiêu biểu cho trí huệ sâu dày. Xá Lợi Phất từ lầu trệt đi ra tiêu biểu cho hàng nhị thừa không có trí lớn. Tự giải thoát là nhà trệt. Sáu ngàn Tỷ kheo đều là người mới xuất gia chưa đạt quả A-la-hán, tôn Xá Lợi Phất làm thầy. Tất cả đều theo Văn Thù Sư Lợi đi về thành giác ở phía nam. Xá Lợi Phất khuyên sáu ngàn Tỷ kheo quán sát phước đức của thân tướng Văn Thù Sư Lợi. Khuyên sáu ngàn Tỷ kheo cùng lúc quán sát công đức thân tướng nơi Văn Thù Sư Lợi, khi đi đường, qua trái, qua phải đều bước tám bước, đầy đủ đồ trang sức quý báu, tùy con đường mà trang sức thân, sanh từ tám hạnh chơn Thánh. Quán sát Văn Thù Sư Lợi liền qui y phát nguyện, lạy Văn Thù, tôn làm Hòa thượng. Văn Thù Sư Lợi liền giảng mười cách phát tâm Bồ Đề không mệt mỏi, an ủi khuyên nhủ bằng nhiều cách, cùng lúc đạt mười mắt, mười tai, mười thân, mười biện tài, dẫn đi về phía đông của thành giác. Sáu ngàn Tỷ kheo thông đạt sự tu hành của mười tín và năm vị cùng lúc thông đạt nên tiêu biểu cho sáu ngàn người. Những người trên đường đi phát tâm nghĩa là hàng Thanh văn có nguyện hạnh nhưng chưa có trí, ở đây đã phát tâm trọn đủ bi trí, bao gồm muôn hạnh.

(7) Thuyết pháp khuyên tu, đến phía đông thành giác tiêu biểu

sự phát khởi pháp lành. Miếu Phật xưa tiêu biểu cho giáo pháp thuyết giảng không khác xưa. Rừng Sa La (Trung Hoa dịch là cao tủng “cao hơn”) cao hơn các rừng khác nghĩa là vượt qua hạnh của trời, người, ba thừa vào ngoại đạo. Trang nghiêm nghĩa là trang nghiêm trí căn bản bằng hạnh Phổ Hiền. Tràng là trí không lay chuyển, Văn Thù Sư Lợi đã đến thành giác, bốn chúng đi theo nhiều vô kể, nhưng chỉ nói có năm trăm người là chỉ cho người có khả năng nhập pháp năm vị. Loài rồng có một vạn, rồng tiêu biểu cho trí, vì từ trí phát khởi hạnh. Trong năm chúng, Thiện Tài là người đứng đầu, năm chúng đều là những người nhập pháp. Đem Thiện Tài vào thai, sau mười tháng, chào đời. Mười Ba-la-mật là mười tháng. Lúc mới sanh trong nhà có năm trăm thứ báu nghĩa là năm vị đều phải có lòng tin. Đó là quả báo của năm trăm hạnh Ba-la-mật. Cao bảy khuỷu tay là quả sanh từ bảy phần giác. Văn Thù Sư Lợi giảng kinh, soi sáng khắp pháp giới là trí căn bản sáng suốt. Tất cả đều được lợi ích nhưng chỉ nêu Thiện Tài là người đứng đầu là để khuyến khích kẻ phát lòng tin từ phía nam đi đến phía đông thành giác.

